

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 23-5-2025.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Trần Thu Hồng**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Võ Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 04 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, (Tên gọi khác: không), CCCD: 082092009690 cấp ngày 26/5/2022; sinh ngày 09/10/1992; tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T; Nơi tạm trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 07/12; Cha: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957 và mẹ: Lê Thị S, sinh năm 1962; Em ruột: Nguyễn Thị K, sinh năm 1993; tất cả cùng cư trú tại: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T; Bị cáo chưa có vợ, con; Từ nhỏ đến năm 2017 bị cáo sống cùng gia đình tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T. Ngày 02/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 48/2013/HSST, chấp hành xong ngày 02/12/2014; Ngày 25/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 11/2017/HSST, chấp hành xong ngày 26/02/2019, đã được xóa án tích; Tiền án: 00; Tiền sự: 00; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2025 chuyển sang tạm giam ngày 09/01/2025, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố G– Trại tạm giam Công an tỉnh T.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Lê Thị S, sinh năm 1962 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

*** Người làm chứng:**

- Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 06/01/2025 bị cáo Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 63B5-543.21 đến trước nhà bà Đặng Thị Bạch H, sinh năm 1963, khu phố A, Phường B, thành phố G, tỉnh T gặp một người thanh niên tên T (không rõ nhân thân) mua 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) ma túy về sử dụng. Khi nhận ma túy từ T, bị cáo M cất ma túy vào trong người rồi điều khiển xe về nhà, bị cáo Minh vào phòng ngủ của bị cáo Minh lấy dụng cụ sử dụng một phần ma túy, phần ma túy còn lại bị cáo Minh cất giấu dưới tấm chiếu của bị cáo M. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 07/01/2025 Công an huyện G phối hợp Công an xã L đến nhà bị cáo M để làm việc do nghi vấn bị cáo M sử dụng ma túy. Quá trình làm việc, lực lượng công an phát hiện dưới tấm chiếu trong phòng ngủ của M có 01 (một) gói ny lông bên trong có chứa ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật có liên quan. Hiện trường vụ án được xác định như sau: Tại nhà ông Nguyễn Văn Q (cha ruột bị cáo M), sinh năm 1957, ngụ ấp Long Hải, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh T, bên trong nhà gồm có: 01 phòng khách, 03 phòng ngủ, 01 khu vực sinh hoạt chung và 01 nhà bếp, nơi phát hiện tàng trữ trái phép chất ma túy là tại phòng ngủ của bị cáo Nguyễn Văn M.

Kết luận giám định số 07/KL-KTHS ngày 08/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3856 gam, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số 07 ghi ngày 08 tháng 01 năm 2025, có chữ ký in họ tên: Nguyễn Thanh T (giám định viên), Nguyễn Quốc P (trợ lý giám định viên), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Minh T (bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH T;

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSXFI, màu sơn xanh-đen, biển số 63B5-543.21, số máy JA52E0198192, số khung RLHJA3852LY100674, của bà Lê Thị Sương (mẹ ruột bị cáo), sinh năm 1962, nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

- 01 (một) điện thoại di động, đặc điểm: hiệu OPPO, màu xanh-đen, Model F11, số IMEI (khe 1): 869035049772276, số IMEI (khe 2): 869035049772268, bên trong có sim số 0358742787.

- 01 (một) chai nhựa có nắp màu vàng, cao 14cm, trên nắp có hai lỗ; một lỗ gắn ống nhựa (loại ống hút) màu tím-trắng, dài 17cm, một lỗ được gắn cái phễu thủy tinh;

- 01 (một) cái kéo; đặc điểm: bằng kim loại, dài 16,5cm;
- 01 (một) cái hộp quẹt ga, bị bể một phần.

Theo cáo trạng số: 17/CT-VKSCGT ngày 21/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa: Bị cáo M khai nhận khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/01/2025, bị cáo Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 63B5-543.21 đến trước nhà bà Đặng Thị Bạch H, sinh năm 1963 khu phố 1, Phường 5, thành phố G, tỉnh T gặp một người thanh niên tên T (không rõ nhân thân) mua 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) ma túy về sử dụng. Khi nhận ma túy từ T, bị cáo Minh cất ma túy vào trong người rồi điều khiển xe về nhà, bị cáo Minh vào phòng ngủ của bị cáo M lấy dụng cụ sử dụng một phần ma túy, phần ma túy còn lại bị cáo M cất giấu dưới tấm chiếu của bị cáo M. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/01/2025, Công an huyện G phối hợp Công an xã L đến nhà bị cáo M để làm việc do nghi vấn bị cáo M sử dụng ma túy. Quá trình làm việc, lực lượng công an phát hiện dưới tấm chiếu trong phòng ngủ của bị cáo M có 01 (một) gói ny lông bên trong có chứa ma túy nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật có liên quan.

* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo M từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu hủy những vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số 07 ngày 08 tháng 01 năm 2025, có chữ ký in họ tên: Nguyễn Thanh T (giám định viên), Nguyễn Quốc P (trợ lý giám định viên), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Minh T (bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH T; Bên trong có 01 (một) gói nylon trong suốt được dán kín chứa ma túy còn lại sau giám định và 01 (một) gói nylon trong suốt (loại túi Zip) bên trong không chứa gì, đây là ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 (Một) chai nhựa có nắp màu vàng, cao 14cm, trên nắp có hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa (loại ống hút) màu tím – trắng; dài 17cm; một lỗ được cái phễu thủy tinh. Đây là bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Minh cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) cái kéo bằng kim loại, có chiều dài 16,5cm và 01 (một) cái hộp quẹt gas, bị bể một phần. Đây là dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Minh nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh-đen, model F11, số IMEI (khe 1): 869035049772276, số IMEI (khe 2): 869035049772268, bên trong có sim số 0358742787 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo M. Quá trình điều tra xác định bị cáo M không

có sử dụng chiếc điện thoại này vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Minh.

+ **Trả lại cho bà Lê Thị S gồm:** 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Wave RSXF1, màu xanh-đen, biển số 63B5-543.21, số máy JA52E0198192, số khung RLHJA3852LY100674 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị Sương (mẹ ruột bị cáo Minh), sinh năm 1962, nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, phù hợp với lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/01/2025, tại ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T, bị cáo M có hành vi cất giấu 01 (một) gói ny lông bên trong có chứa chất ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,3856gam nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi tàng trữ chất ma túy nêu trên của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất mua túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố là có căn cứ.

[3]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Hành vi tàng trữ trái phép chất mua túy mà bị cáo M đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Ma túy đã và đang gây tác hại xấu cho sức khỏe của người sử dụng, làm suy thoái phẩm giá con người, làm khánh kiệt về kinh tế, phá hoại hạnh phúc gia đình và ma túy là nguyên nhân làm gia tăng nhiều loại tội phạm. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng cầm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (Một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số 07 ngày 08 tháng 01 năm 2025, có chữ ký in họ tên: Nguyễn Thanh T (giám định viên), Nguyễn Quốc P (trợ lý giám định viên), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Minh T (bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH T; Bên trong có 01 (một) gói nylon trong suốt được dán kín chứa ma túy còn lại sau giám định và 01 (một) gói nylon trong suốt (loại túi Zip) bên trong không chứa gì, đây là ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa có nắp màu vàng, cao 14cm, trên nắp có hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa (loại ống hút) màu tím-trắng; dài 17cm; một lỗ được cái phễu thủy tinh. Đây là bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo M cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) cái kéo bằng kim loại, có chiều dài 16,5cm và 01 (một) cái hộp quẹt gas, bị bể một phần. Đây là dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Minh nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh-đen, model F11, số IMEI (khe 1): 869035049772276, số IMEI (khe 2): 869035049772268, bên trong có sim số 0358742787 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo M. Quá trình điều tra xác định bị cáo M không có sử dụng điện thoại này vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo M.

+ Trả lại cho bà Lê Thị S gồm: 01 (Một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSXFI, màu sơn xanh-đen, biển số 63B5-543.21, số máy JA52E0198192, số khung RLHJA3852LY100674 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị S (mẹ ruột bị cáo M), sinh năm 1962, nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T. Quá trình điều tra đã chứng minh được bị cáo M mượn xe bà S rồi tự ý sử dụng làm phương tiện mua bán trái phép chất ma túy, bà Sương hoàn toàn không biết việc bị cáo M sử dụng xe trên vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bà S.

[6]. Đối với đối tượng đã bán ma túy cho M do M không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên không tiến hành xác minh làm rõ được. Do đó khi nào làm việc được đối tượng bán ma túy cho M, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là đúng quy định pháp luật. Đối với bà Đặng Thị Bạch H không biết và không có liên quan gì trong vụ án nên không đặt ra giải quyết xử lý bà H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7]. Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo M là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/.Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 07/01/2025.

2/. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy những vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 (một) bì thư được niêm phong ký hiệu vụ số 07 ghi ngày 08 tháng 01 năm 2025, có chữ ký in họ tên: Nguyễn Thanh Trường (giám định viên), Nguyễn Quốc Phong (trợ lý giám định viên), chữ ký ghi họ tên: Nguyễn Minh Tân (bên nhận) và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ - CÔNG AN TỈNH T; Bên trong có 01 (một) gói nylon trong suốt được dán kín chứa ma túy còn lại sau giám định và 01 (một) gói nylon trong suốt (loại túi Zip) bên trong không chứa gì, đây là ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 (Một) chai nhựa có nắp màu vàng, cao 14cm, trên nắp có hai lỗ, một lỗ gắn ống nhựa (loại ống hút) màu tím-trắng; dài 17cm; một lỗ được cái phễu thủy tinh. Đây là bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo M cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) cái kéo bằng kim loại, có chiều dài 16,5cm và 01 (một) cái hộp quẹt gas, bị bẻ một phần. Đây là dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Minh nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh-đen, Model F11, số IMEI (khe 1): 869035049772276, số IMEI (khe 2): 869035049772268, bên trong có sim số 0358742787 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo M. Quá trình điều tra xác định bị cáo M không có sử dụng chiếc điện thoại này vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo M.

+ Trả lại cho bà Lê Thị S gồm:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSXFI, màu sơn xanh-đen, biển số 63B5-543.21, số máy JA52E0198192, số khung RLHJA3852LY100674 là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị S (mẹ ruột bị cáo M), sinh năm 1962, nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G).

3/. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4/. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh T;
- VKSND H.G;
- CQĐT Công an tỉnh T;
- Phân trại tạm giam KVTPG-TTG.CATT;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã L (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

Đặng Thị Thanh Trinh